

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 15 tháng 01 năm 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà và Ông Phan Đình Nguyên

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trang –Thư ký, Tòa án Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Đặng Trường Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Quán T, sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Xóm xx, xã NN, huyện Nam Đàn, Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Xóm xx, xã NN, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 16/7/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lê Quán T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T kết hôn với chị Trần Thị H, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An vào ngày 04/9/2015, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, hai vợ chồng sống ly thân đã 03 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung: Anh Lê Quán T và chị Trần Thị H có 01 con chung là Lê Quán Đ, sinh ngày 26/8/2015. Ly hôn, anh T nhường quyền nuôi con cho chị Trần Thị H và chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị H số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 26/11/2020, bị đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Quán T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 04/9/2015 tại UBND xã TM, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau; vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị đồng ý ly hôn với anh Lê Quán T

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Quán Đ, sinh ngày 26/8/2015, vợ chồng ly thân con ở với chị nên ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của anh Lê Quán T và chị Trần Thị H tại địa phương nơi vợ chồng đăng ký hộ khẩu thường trú thì được biết: Anh T và chị H kết hôn năm 2015 và sinh sống tại địa phương, có một lần vợ chồng đánh nhau và cũng kể từ đó chị H về bên ngoại sinh sống không thấy quay lại gia đình nhà chồng, còn nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm được. Anh T và chị H có 01 con chung tên là Lê Quán Đ – sinh năm 2015, sau khi ly thân, cháu Đ ở cùng với chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, do điều kiện công việc nên anh Lê Quán T và chị Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự từ Điều 139 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn

chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Quán T được ly hôn với chị Trần Thị H. Về con chung: Giao con chung Lê Quán Đ, sinh ngày 26/8/2015 cho chị Trần Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 2.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Anh Lê Quán T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Lê Quán T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị H có hộ khẩu thường trú tại xã NN, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của Nguyên đơn và Bị đơn: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Quán T, bị đơn chị Trần Thị H đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quán T và chị Trần Thị H kết hôn ngày 04/9/2015 do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Theo anh Lê Quán T thì sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được gần 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và vợ chồng đã ly thân gần 03 năm nay. Anh T khẳng định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị H. Tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai cũng như đơn xin vắng mặt ngày 26/11/2020, chị H thừa nhận thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng đúng như anh Lê quán T trình bày. Chị H đã về bên ngoại sinh sống và vợ chồng đã ly thân gần 03 năm nay mà không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Quán T đối với chị Trần Thị H.

[3] Về con chung: Anh Lê Quán T và chị Trần Thị H có 01 con chung là cháu Lê Quán Đ, sinh ngày 26/8/2015. Ly hôn, anh T thống nhất giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Đ ở cùng với chị H, do chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và đồng ý với mức cấp dưỡng mà anh Lê Quán T đóng góp cùng chị để nuôi con chung. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con như sự phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành và các điều kiện khác cho sự phát triển tốt về tinh thần thì việc giao con chung cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đúng đắn và cần thiết, phù hợp với nguyện vọng của anh T và chị H. Trong trường hợp chị Trần Thị H không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con thì anh T có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Quán T và chị Trần Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Quán T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quán T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Quán T và chị Trần Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Lê Quán Đ, sinh ngày 26/8/2015 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Quán T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H số tiền 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02/2021 cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Lê Quán T có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Anh Lê Quán T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003433 ngày 13 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Anh Lê Quán T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Quán T và chị Trần Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Nam Đàn;
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- UBND xã TM, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA; VPTA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Phú

